

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC

**SUU TÀM VÀ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THUẬT DÂN GIAN CÁC DÂN TỘC
THiểu SỐ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Mã số: DH2015-TN06-12

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Thị Suối Linh

Thái Nguyên, tháng 9/2019

DANH SÁCH THÀNH VIÊN NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

| STT | Họ và tên | Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn | Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao |
|-----|---------------------|---|---|
| 1 | TS. Dương Thùy Linh | Khoa Du lịch (Trường Đại học Khoa học) | Thu thập tài liệu, khảo sát ngữ liệu |
| 2 | ThS. Đàm Thị Tấm | Khoa Du lịch (Trường Đại học Khoa học) | Thu thập tài liệu, khảo sát ngữ liệu |

DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

| Tên đơn vị trong và ngoài nước | Nội dung phối hợp nghiên cứu | Họ và tên người đại diện đơn vị |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Khoa Du lịch (Trường Đại học Khoa học) | Tổ chức trao đổi chuyên môn | PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái |

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| INFORMATION ON RESEARCH RESULTS | 4 |
| PHẦN MỞ ĐẦU | 6 |
| 1. Tính cấp thiết của vấn đề | 6 |
| 2. Khái quát về lịch sử nghiên cứu | 6 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... | 7 |
| 4. Nhiệm vụ nghiên cứu..... | 7 |
| 5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 8 |
| 6. Phương pháp nghiên cứu | 8 |
| 7. Đóng góp của đề tài | 8 |
| 8. Cấu trúc đề tài | 8 |
| CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG THUẬT DÂN GIAN..... | 9 |
| 1.1. Giới thuyết về “phương thuật” | 9 |
| 1.1.1. Thuật ngữ | 9 |
| 1.1.2. Khái niệm | 9 |
| 1.1.3. Nhận diện phương thuật trong mối liên hệ với những khái niệm liên quan | 9 |
| 1.1.4. Phương thuật trong tiến trình văn hóa nhân loại | 9 |
| 1.2. Phân loại phương thuật | 9 |
| 1.3. Phương thuật dân gian trong đời sống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam..... | 10 |
| 1.4. Khái quát về các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên | 10 |
| CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ SƯU TẦM VÀ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THUẬT DÂN GIAN CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở THÁI NGUYÊN | 11 |
| 2.1. Hệ thống phương thuật dân gian trong các lĩnh vực của đời sống cộng đồng..... | 11 |
| 2.1.1. Phương thuật trong hoạt động sản xuất..... | 11 |
| 2.1.2. Phương thuật dân gian trong bảo vệ sức khỏe | 12 |
| 2.1.3. Phương thuật trong việc điều chỉnh tình cảm, quan hệ xã hội và đời sống tâm linh..... | 14 |
| 2.2. Đặc trưng của phương thuật dân gian dưới góc nhìn văn hóa | 15 |
| 2.2.1. Tính thiêng – cơ sở hình thành phương thuật trong tư duy | 15 |
| 2.2.2. Yếu tố đời thường – cơ sở duy trì phương thuật trong thực hành tín ngưỡng..... | 15 |
| 2.3. Tình hình sử dụng phương thuật dân gian ở các tộc người thiểu số Thái Nguyên..... | 15 |
| CHƯƠNG 3: | |
| 3.1. Phương thuật dân gian trong nghiên cứu văn hóa và tri thức bản địa | 16 |
| 3.2. Phương thuật dân gian trong quản lý xã hội, quản lý văn hóa và truyền thông | 16 |
| 3.3. Phương thuật dân gian trong phát triển du lịch..... | 17 |
| 3.3.1. Tư liệu trong hoạt động thuyết minh, lễ hành | 17 |
| 3.3.2. Tư liệu trưng bày, tái hiện, tổ chức hoạt động trải nghiệm..... | 17 |
| 3.3.3. Xây dựng tour du lịch chuyên biệt | 18 |
| 3.3.4. Xây dựng bảo tàng ma thuật | 18 |
| KẾT LUẬN..... | 20 |

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Trường Đại học Khoa học

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: *Sưu tầm và nghiên cứu phương thuật dân gian các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên*

- Mã số: ĐH2015-TN06-12

- Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Thị Suối Linh

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Khoa học

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2017

2. Mục tiêu:

Trên cơ sở lí luận chung về phương thuật dân gian, đề tài tiến hành khảo sát, thống kê, phân loại, nghiên cứu đặc trưng tiêu biểu và hiện trạng sử dụng, lưu truyền phương thuật dân gian của các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên. Áp dụng các tri thức liên ngành và kiểm tra thực chứng, chúng tôi bước đầu lí giải bản chất, nguyên nhân, đánh giá hiệu quả của một số phương thuật đã và đang được áp dụng trong cộng đồng. Từ đó, điều chỉnh nhận thức và tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số theo hướng phát huy nguồn tri thức dân gian quý báu, loại trừ những tập quán lạc hậu. Nhóm tác giả cũng đưa ra những giải pháp cụ thể trong việc khai thác, ứng dụng phương thuật dân gian trong đời sống (đặc biệt là ở lĩnh vực truyền thông và phát triển du lịch).

3. Tính mới và sáng tạo:

Trong nghiên cứu văn hóa, vấn đề phương thuật dân gian đã được quan tâm với nhiều công bố có giá trị. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu đều hướng về những nghi lễ bí hiểm, gắn với vai trò đặc biệt của hệ thống pháp sư, phù thủy. Các công trình dạng sưu tầm hầu như chưa có. Phương thuật dân gian rất đa dạng, phản ánh cuộc sống đa sắc màu của người nông dân Việt Nam, đặc biệt là trong xã hội miền núi. Đóng góp mới của đề tài thể hiện ở những phương diện sau:

+ Không chỉ nghiên cứu lý thuyết, đề tài đặt ra nhiệm vụ sưu tầm, thống kê hệ thống phương thuật đang lưu truyền trong một cộng đồng cụ thể (nghiên cứu trường hợp).

+ Tính ứng dụng của đề tài thể hiện ở việc đưa ra định hướng bảo lưu, khai thác phương thuật dân gian, đặc biệt là khả năng ứng dụng trong lĩnh vực truyền thông và du lịch.

4. Kết quả nghiên cứu:

- Sưu tầm gần 200 phương thuật trong đời sống dân gian các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên.

- Nghiên cứu đặc trưng và hiện trạng sử dụng, lưu truyền của phương thuật vùng tộc thiểu số

- Bước đầu lý giải cơ chế hình thành và đánh giá hiệu quả của một số phương thuật trên cơ sở kiến thức liên ngành

- Đưa ra những giải pháp thực tiễn để nâng cao chất lượng cuộc sống các dân tộc thiểu số trên địa bàn (bảo lưu tri thức dân gian, dựa trên tính hấp dẫn của phương thuật dân gian để xây dựng kênh truyền thông và một số sản phẩm du lịch gắn với địa phương).

5. Sản phẩm:

A. Sản phẩm khoa học

1. Nguyễn Thị Suối Linh (2019), “Góp thêm nghiên cứu về phương thuật trong văn hóa dân gian”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 420, tr.57-59.

2. Nguyễn Thị Suối Linh (2019), “Một số thực hành ma thuật trong dân gian”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, số 3(183), tr.52-57.

3. Dương Thùy Linh (2017), “Tín ngưỡng nông nghiệp của người Sán Diu ở Thái Nguyên”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 398, tr.6-10.

4. Nguyễn Thị Suối Linh (2018), “Một số tập quán thương mại của người Việt từ góc nhìn văn hóa làng xã”, *Tạp chí Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Dương*, số 3, tr.34-35.

5. Nguyễn Thị Việt Thanh, Vương Toàn (2016), *Từ điển Văn hóa truyền thống các dân tộc Thái Tày Nùng*, Nxb Đại học Quốc gia (Tác giả đề tài là biên tập chính và là thông tin viên).

B. Sản phẩm đào tạo:

1. Bé Thị Hải Yến (2017), *Môtip trong phương thuật dân gian của người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên*, Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, Trường ĐH Khoa học, ĐHTN.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

- Đề xuất một số sản phẩm du lịch địa phương gắn với phương thuật dân gian. Địa chỉ ứng dụng: Trường Đại học Khoa học, Khu Bảo tồn làng nhà sàn dân tộc sinh thái Thái Hải.

- Góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo sự khác biệt và sức hấp dẫn cho du lịch địa phương.

Thái Nguyên, ngày 10/9/2019

Tổ chức chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

Nguyễn Thị Suối Linh

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: *Collecting and researching into folk-magic of ethnic minorities in Thainguyen province*

Code number:

Coordinator: M.S. Nguyen Thi Suoi Linh

Implementing institution: Thai Nguyen University of Science

Duration: from May 2015 to December 2019

2. Objective(s): This thesis included the collection, classification, and research into folk magic of ethnic minorities in Thainguyen province. Applying interdisciplinary knowledge, we initially explained the nature, causes, and evaluate the effectiveness of magic that have been applied. Since then, perceptions and practices of ethnic minorities were adjusted in the direction of promoting valuable folk knowledge and excluding the backward customs. The authors also gave specific solutions in exploiting and applying folklore in life (especially in the field of communication and tourism development).

3. Creativeness and innovativeness: The issue of folk magic has been concerned with many valuable publications. However, most research is focused on mysterious rituals related to the special roles of witchcraft. There are almost no collecting works in the literature. Folk magic is diverse. It reflects the colorful life of Vietnamese farmers, especially in mountainous society. New contributions of the project are:

- Not only studying on theory but also collecting and statistizing the magic system handed down in a specific community (case study).
- Providing the orientation of reservation and exploitation of folk magic, especially the applicability in the field of communication and tourism.

4. Research results:

- Collected nearly 200 types of magic from the lives of ethnic minorities in Thainguyen province.
- Studied characteristics, usage status, and transmission of ethnic minority magic.
- Initially explained and evaluated the effectiveness of magics based on interdisciplinary knowledge
- Provided the practical solutions to improve the life quality (preserving folk knowledge, propagandizing people to change backward practices, creating communication channels and some local tourism products based on the attraction of folk-magic)

5. Products:

5.1. Scientific publications

1. Nguyen Thi Suoi Linh (2019), "Additional research on "magic" in folk culture", *Culture and arts magazine*, (420), pp.57-59

2. Nguyen Thi Suoi Linh (2019), “Magic practice in folk”, *Journal of Vietnamese Cultural Studies*, (183), pp.52-57

3. Duong Thuy Linh (2017), “Agricultural beliefs of San Diu people in Thai Nguyen”, *Culture and arts magazine*, (398), pp.6-10.

4. Nguyen Thi Suoi Linh (2018), “Commercial practice of Vietnamese people from the perspective of village culture”, *Hai Culture, Sports and Tourism Magazine of Haiduong district*,(03), pp.34-35.

5. Nguyen Thi Viet Thanh, Vuong Toan (2016), *Cultural dictionary for ethnic groups of Thai, Tay and Nung*, Vietnam National University Press, Hanoi (In this dictionary, the author (of research) is the editor and an informant).

5.2. Training results:

1. Be Thi Hai Yen (2017), *Motif in folk-magic of ethnic minorities on Phuluong district, Thainguyen province*, Student scientific thesis, Thainguyen University of Science.

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

- Recommend some local tourism products.
- Application Institutions: Thainguyen University of Science, Thaihai Reserve Area of Ecological Houses-on-stilts Village...
- Contribute to diversifying tourism products, making a difference and attractiveness for local tourism.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề

Phương thuật dân gian là phương pháp chữa bệnh và hành xử, trong đó có sử dụng đến yếu tố “làm phép”. Phương thuật dân gian vừa là một dạng thức của tín ngưỡng dân gian, vừa là một yếu tố trong văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội của cư dân nông nghiệp. Tập quán cư trú cố định trong các làng bản, thiên hướng coi trọng kinh nghiệm hơn lí thuyết, đời sống tín ngưỡng phong phú là ba điều kiện cơ bản để phương thuật dân gian nảy sinh và phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt là đối với khu vực miền núi, nơi điều kiện xã hội còn hạn chế. Phương thuật dân gian một mặt là những kinh nghiệm quý báu, thậm chí là cứu cánh cho con người trong một số trường hợp đặc biệt, mặt khác, cũng có không ít những “mẹo” mê tín, thiếu cơ sở khoa học và nguy hiểm đối với sức khỏe.

Bên cạnh đó, từ những góc nhìn và phương pháp liên ngành, có thể tìm thấy và khai thác nhiều lợi thế của phương thuật dân gian trong các lĩnh vực quản lý xã hội, y sinh học, truyền thông và phát triển du lịch cộng đồng.

Nằm ở trung tâm vùng văn hóa Đông Bắc, Thái Nguyên là nơi tụ cư của .. tộc người thiểu số, trong đó, nổi bật nhất là các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông, Sán Dìu, Cao Lan, Sán Chí. Thái Nguyên có cảnh quan sinh thái, đặc trưng sinh kế và văn hóa gò đồi, với nét đặc sắc riêng của loại hình địa – văn hóa chuyển giao châu thổ - trung du- miền núi. Trong kháng chiến, Bắc Thái là thủ đô cách mạng, hiện nay, xứ chè đóng vai trò trung tâm giáo dục và trọng điểm công nghiệp. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, Tỉnh chưa thực sự phát huy ưu thế trong phát triển du lịch. Trong chiến lược phát triển, định hướng bảo tồn văn hóa truyền thống để phát triển kinh tế xã hội nói chung, du lịch nói riêng luôn được quan tâm, nhấn mạnh. Chúng tôi nhận thấy, phương thuật dân gian – những mẹo “vật,, của cuộc sống lại có thể trở thành nguồn tiềm năng không nhỏ vật trong việc xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù gắn với văn hóa tộc người.

Qua quá trình tìm hiểu lí luận và khảo sát thực tiễn, chúng tôi nhận thấy, người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số còn bảo lưu và ứng dụng rất nhiều phương thuật dân gian. Việc nghiên cứu nghiêm túc, tổng thể về phương thuật dân gian sẽ góp phần nâng cao nhận thức, chất lượng cuộc sống, nhất là đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Vì những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu vấn đề: “*Sưu tầm và nghiên cứu phương thuật dân gian các dân tộc thiểu số ở tỉnh Thái Nguyên,,*

2. Khái quát về lịch sử nghiên cứu

a. Trên thế giới

Nghiên cứu về ma thuật đã có lịch sử hơn một thế kỷ qua, bắt đầu từ những nghiên cứu từ cuối thế kỷ 19 của các nhà khoa học khởi xướng như Edward Tylor và James Frazer, Bronislaw Malinowski .

+ Giáo sư S.A.Tôcarep với công trình “Bản chất và nguồn gốc ma thuật” (Tôcarep, 1959). Trong cuốn sách “Tôn giáo các dân tộc trên thế giới”, khi đề cập đến tôn giáo các dân tộc cụ thể, Giáo sư S.A.Tôcarep không bao giờ không nói về ma thuật”.

+ Vào những năm 1970, Staley Tambian là người đặt dấu ấn quan trọng trong việc nhìn nhận vai trò của ma thuật trong thế giới hiện đại. Ông đã đưa ra một quan niệm mới, phủ nhận sự so sánh cứng nhắc ma thuật với khoa học\

b. Nghiên cứu trong nước

- Đầu thế kỷ XX, trong các khảo cứu lịch sử - văn hóa của mình, nhiều nhà nghiên cứu văn hóa như Phan Kế Bính, Nguyễn Văn Huyền, Toan Ánh... đã bàn đến sự hiện diện của phương thuật dân gian như một biểu hiện sinh động của diện mạo văn hóa làng xã. Cùng với đó, không thể không kể đến những ghi chép khá chân thực của đội ngũ tri thức phương Tây trên hành trình khám phá văn minh nông nghiệp.

- Một trong những nhà khoa học dành nhiều tâm huyết cho hướng nghiên cứu về phương thuật là nhà dân tộc học Phan Hữu Dật với các công bố khoa học như *Ma thuật làm hại trong tín ngưỡng các dân tộc, Trở lại tín ngưỡng ma thuật và sự phân loại ma thuật*.

+ Trong công trình khảo cứu lịch sử lý luận nhân học mang tên: “*Ma thuật: nhận diện và nghiên cứu trong Nhân học*”, PGS Nguyễn Thị Hiền đã khái quát lịch sử nghiên cứu về hiện tượng văn hóa, tín ngưỡng độc đáo này, với những đóng góp học thuật quan trọng.

- Ma thuật của các tộc người thiểu số là đối tượng nghiên cứu chính trong các công trình khoa học chuyên sâu và khảo cứu văn hóa dân gian. Tuy không phải là đối tượng nghiên cứu chính, song nhiều phương thuật dân gian được nhắc đến trong những công trình nghiên cứu y học dân tộc và mẹo ứng xử thông dụng hàng ngày. Dạng thức phương thuật mang đậm yếu tố tâm linh như bùa ngải, các hình thức ma thuật phù thủy cũng được bàn đến trong những nghiên cứu đặc thù. Cũng không thể không nhắc đến nguồn thông tin đồ sộ trên các trang web về phong thủy, tướng số, lý dịch, thuật phù thủy với sự kết hợp đa dạng tri thức đông tây, kim cổ, khoa học – mê tín... Nhìn một cách tổng quát, phương thuật dân gian đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước với một lịch sử vấn đề tương đối dày dặn. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy trên thực tế chưa có công trình nào mang tính chất sưu tầm, khảo sát và nghiên cứu cụ thể phương thuật dân gian ở các địa phương. Vấn đề định hướng bảo lưu, sử dụng phương thuật dân gian trong quá trình phát triển của cộng đồng cũng chưa được nghiên cứu sâu sắc. Do vậy, việc triển khai nghiên cứu tổng quan về phương thuật dân gian của các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên là cần thiết và có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Khảo sát, phân loại, nghiên cứu đặc trưng và hiện trạng sử dụng, lưu truyền phương thuật dân gian các DTTS ở Thái Nguyên

- Đưa ra những giải pháp cụ thể trong việc khai thác, ứng dụng phương thuật dân gian trong đời sống.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát những vấn đề có ý nghĩa lý luận.

- Điền dã dân tộc học để sưu tầm, thống kê các PTDG.
- Nghiên cứu về đặc điểm các phương thuật dân gian, đưa ra giải pháp trong việc bảo tồn và khai thác phương thuật dân gian

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1 Đối tượng nghiên cứu

Phương thuật dân gian của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

5.2 Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Đề tài thực hiện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tập trung vào một số xã là vùng cư trú tiêu biểu của các tộc người Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Chay, Sán Dìu.

6. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điền dã dân tộc học
- Phương pháp thống kê, phân loại, so sánh
- Phương pháp nghiên cứu liên ngành

7. Đóng góp của đề tài

+ Không chỉ nghiên cứu lý thuyết, đề tài đặt ra nhiệm vụ sưu tầm, thống kê hệ thống phương thuật đang lưu truyền trong một cộng đồng cụ thể (nghiên cứu trường hợp).

+ Đưa ra định hướng khai thác phương thuật dân gian, đặc biệt là khả năng ứng dụng trong lĩnh vực truyền thông và du lịch.

8. Cấu trúc đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bố cục đề tài gồm có ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về phương thuật dân gian

Chương 2: Kết quả khảo sát, sưu tầm phương thuật dân gian các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Chương 3: Ứng dụng của phương thuật dân gian trong một số lĩnh vực nghiên cứu và đời sống

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG THUẬT DÂN GIAN

1.1. Giới thuyết về “phương thuật”

1.1.1. Thuật ngữ

Ở Việt Nam đồng thời tồn tại những khái niệm kì ảo như ma thuật, pháp/phép thuật, phương thuật, tà thuật, thuật phù thủy... Tuy nhiên, trong văn hóa tín ngưỡng nước ta, nội hàm khái niệm giữa các thuật ngữ trên vẫn có sự khu biệt nhất định. Trong công trình này, chúng tôi lựa chọn thuật ngữ “phương thuật” bởi muốn nhấn mạnh vào tính bình dân, gần gũi với đời sống văn hóa dân gian của nó.

1.1.2. Khái niệm

Phương thuật được hiểu là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, có tính kỳ bí và như một phép màu; thường được thực hiện bằng sự kết hợp giữa những lời nói và một quy trình với nhiều động tác quy ước tiếp nối nhau trong sự bảo đảm, lựa chọn chặt chẽ về tư cách của người thực hành; tác động đến thế giới tự nhiên và các lực lượng siêu nhiên nhằm đạt được kết quả mong muốn.

1.1.3. Nhận diện phương thuật trong mối liên hệ với những khái niệm liên quan

Ma thuật có thể hiểu theo nhiều lớp nghĩa. Nghĩa rộng, ma thuật là tất cả những nghi lễ, những yếu tố phép thuật, kỳ ảo, huyền thoại mang màu sắc u linh. Nó tất yếu bao gồm cả những nghi thức tín ngưỡng nghi cúng bái, cầu xin, những phong tục có sự hiện diện của thần thành trong tâm thức. Ở góc độ hẹp hơn, ma thuật chỉ những hành vi cụ thể, mang tính huyền bí, giải quyết những tình huống nhất định và hướng đến mục đích rõ ràng. Trong đề tài này, chúng tôi xem xét phương thuật ở lớp nghĩa hẹp. Và vì vậy, những nghi lễ tín ngưỡng đơn thuần mang tính chất phong tục thông lệ như cúng giỗ, lễ tiết, tang ma, sóc vọng... nói chung không được liệt kê trong quá trình sưu tầm, nghiên cứu.

1.1.4. Phương thuật trong tiến trình văn hóa nhân loại

1.2. Phân loại phương thuật

* *Xét theo phạm vi, mục đích sử dụng có:* phương thuật điều khiển tự nhiên-khí hậu; phương thuật sản xuất, phương thuật trong đời sống sinh hoạt cá nhân (bảo vệ sức khỏe, giải quyết tai nạn bất ngờ, điều khiển tình cảm); phương thuật trong đời sống xã hội (giải tỏa mâu thuẫn cộng đồng, cầu an cho làng bản)...

- *Xét theo cách thức sử dụng có:* hành vi ma thuật (như hành vi ăn trộm, nín thở, phù, gõ...), ngôn ngữ ma thuật (lời chú, các câu nói phép), công cụ ma thuật (con dao, cái kim, lá bùa, củ tỏi...). Ở nhiều trường hợp, một phương thuật được làm nên bởi sự tác động của cả hành vi, ngôn ngữ và vật làm phép.

* *Xét theo đối tượng thi hành có:* các phương thuật do đạo sĩ, thầy phù thủy, thầy tào thực hiện và phương thuật phổ biến trong dân gian, người thường cũng có thể thực hiện (bản thân tự tiến hành hoặc lựa chọn người có đặc điểm riêng (góa chồng, khác họ, dễ sinh...) để tiến hành).

* *Xét theo tần suất sử dụng* có: các phương thuật sử dụng như một quy trình trong phong tục, gần như trở thành phong tục (gánh nước đầu năm, mừng tuổi, trấn trạch nhà mới, giã cối đón dâu...) và các phương thuật dùng cho những tình huống (chữa bệnh, xử lý tai nạn bất ngờ, trợ sinh, bắt sâu, chữa ròi cho gia súc...)

* *Xét theo tiêu chuẩn đạo đức* có phương thuật bảo vệ, cứu trợ và các phương thuật làm hại. Thuật ngữ tôn giáo thế giới gọi đó là phương thuật đen (làm hại) và phương thuật trắng (có lợi).

1.3. Phương thuật dân gian trong đời sống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Không thể phủ nhận ý nghĩa của phương thuật dân gian trong đời sống xã hội của các dân tộc thiểu số nói riêng và người Việt Nam nói chung. Đó là một dạng thức tri thức dân gian, là kinh nghiệm sản xuất, kinh nghiệm ứng xử xã hội được tích lũy qua nhiều thế hệ. Không ít các phương thuật mê tín, thậm chí nhiều phương thuật nguy hiểm, tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, có những phương thuật được cho là hiệu quả (xuất phát từ cơ sở khoa học hoặc tâm lý nhất định). Phương thuật dân gian là sự thích ứng với điều kiện tự nhiên, xã hội. Ở khu vực hẻo lánh, dân cư thưa thớt, đời sống khó khăn, lẽ đương nhiên, phương thuật dân gian sẽ trở nên cần thiết hơn ở nơi điều kiện ý tế, kĩ thuật phát triển.

1.4. Khái quát về các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên

Có thể thấy, Thái Nguyên là tỉnh đa dạng về văn hóa tộc người, trong đó chủ thể văn hóa là cư dân Tày, Nùng với số dân đông và sức lan tỏa về ngôn ngữ, văn hóa. Mặc dù các tộc người vẫn cư trú riêng trong các làng bản và có xu hướng lựa chọn hôn nhân đồng tộc, song do đặc điểm địa lý vùng bán sơn địa không quá phân cách, nên sự giao thoa thành phần dân tộc và văn hóa vẫn diễn ra. Điều này ít nhiều để lại dấu ấn trong tín ngưỡng dân gian nói chung và các phương thuật nói riêng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Phương thuật dân gian đồng hành cùng con người trong suốt tiến trình lịch sử, hiện diện trên hầu hết các nền văn hóa. Nó đặc biệt phổ biến ở những cộng đồng mà mưu sinh còn phụ thuộc nhiều vào thế giới tự nhiên với tính chất rủi ro cao. Gắn bó mật thiết với đời sống tín ngưỡng, phương thuật dân gian có sức sống mạnh mẽ trong đời sống văn hóa phương Đông, nơi có nền văn hóa “kinh nghiệm”. Việc nghiên cứu nghiêm túc, tổng thể về phương thuật dân gian sẽ góp phần nâng cao nhận thức, chất lượng cuộc sống, nhất là đối với các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2:

KẾT QUẢ SUU TẦM VÀ NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THUẬT DÂN GIAN CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở THÁI NGUYÊN

2.1. Hệ thống phương thuật dân gian trong các lĩnh vực của đời sống cộng đồng

Theo kết quả khảo sát và sưu tầm của chúng tôi, có thể tìm thấy phương thuật và tàn dư của nó trên nhiều phương diện đời sống sản xuất, sinh hoạt văn hóa của các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Sán Diu... ở Thái Nguyên.

2.1.1. Phương thuật trong hoạt động sản xuất

2.1.1.1. Phương thuật dự đoán và điều chỉnh thời tiết

Thích ứng với tự nhiên, lao động sản xuất duy trì cuộc sống là nhiệm vụ sống còn của loài người trong lịch sử sinh tồn, phát triển. Thiên nhiên vừa là nguồn sống bất tận, vừa là mối đe dọa kinh hoàng, nên con người ứng xử với nó theo cả ba xu hướng: kính sợ - tôn thờ, tận dụng – khai thác và ứng phó – chiến đấu. Ngoài việc kính thờ thiên nhiên, thích ứng với tự nhiên, đồng bào các dân tộc vùng cao đúc kết nhiều phương thuật nhằm điều khiển “ông Trời” theo mong muốn của mình, bằng một phép thiêng nào đó:

- Thuật tránh bão
- Thuật cầu mưa
- Thuật sấm sét

2.1.1.2. Phương thuật trong trồng trọt

Hệ thống phương thuật liên quan trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp cũng hết sức đa dạng. Để có hạt lúa, hạt gạo, người nông dân phải trải qua một chu trình sản xuất vất vả với nhiều rủi ro, từ khâu gieo mạ đến khâu trồng cấy, chăm bón thu hoạch. Trong đó, khâu nào cũng quan trọng nên luôn kèm theo nhiều phương thuật với mục đích cầu may mắn.

- Phương thuật bảo vệ thóc giống:
- Phương thuật trong gieo mạ
- Quá trình chăm sóc lúa, phương thuật dân gian được áp dụng để trừ sâu bệnh, chuột bọ, tránh đổ cây, lép hạn.

Các phương thuật nói trên phát huy tác dụng khi đi kèm với một yếu tố truyền sinh đặc biệt, đó là sự kiêng kỵ rất khắt khe. Đồng bào Dao ở Thái Nguyên không làm các việc thuộc về sản xuất nông nghiệp 24 ngày khí tiết trong năm. Ngày chim, ngày chuột, ngày gấu, ngày ông bà cha mẹ chết, bạch hổ. Đặc biệt, ngày 7/7 âm lịch được coi là ngày hợp hôn của lúa trai, lúa gái, nếu đi nương sẽ làm lúa hỏng thẹn, không thể giao hòa. Khi tra lúa kiêng không huýt sáo, không bắt chước tiếng thú tiếng chim. Khi lúa bắt đầu lên bông không đốt củi tươi, sợ sau thóc lép nhiều; không đun củi từ đặng ngọn, không đứng ngồi ngay cửa ra vào để tránh ngô đổ, lúa không đẻ được.

2.1.1.3. Phương thuật trong chăn nuôi

- Gia chủ khó chăn nuôi:
- Thuật mua/bắt gia súc mới:
- Thuật chữa sâu ròi

-Nhiều phương thuật cũng được ứng dụng để *đối phó với tật xấu của gia súc, gia cầm* như: cắt đuôi những con mèo không “hay chuột”, gà mái đòi ấp khó bỏ cho chui qua chiếc vành nôi cũ ba vòng, lợn nái hay nhảy, khó giữ thai phải đeo “yếm” làm bằng váy cũ của của người đàn bà mới đẻ. Buộc củ hành khô vào chân những con lợn hay húc đổ máng ăn. Coi vật nuôi vừa là gia sản, vừa là thành viên trong gia đình, đồng bào cũng có những phương thuật đặc biệt để bảo vệ chúng: dán khăn tang vào chữa chuồng gia súc (cũng như cây cối) khi nhà có tang, cài cành cây dâu lên cửa nhà khi gia súc sinh đẻ, thờ thần cây trợ sinh cho gia súc lớn...

2.1.1.4. Phương thuật trong hoạt động khai thác tự nhiên

2.1.2. Phương thuật dân gian trong bảo vệ sức khỏe

Giữa rừng núi bạt ngàn, giao thông đi lại khó khăn, điều kiện trợ giúp y tế hạn chế, đồng bào các dân tộc thiểu số bảo vệ cho cuộc sống của mình bằng cách tự tích lũy những tri thức dân gian về chăm sóc sức khỏe với những bài thuốc cỏ cây và cả kinh nghiệm phương thuật kỳ bí. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, phổ biến nhất là những mẹo thuật gắn với lĩnh vực sinh nở và chăm sóc trẻ sơ sinh – đối tượng được cho là nhạy cảm trên cả phương diện khoa học lẫn tâm linh. Một số phương thuật suu tầm được như:

* Phương thuật trước và trong quá trình mang thai

- Vợ chồng khó có con
- Vợ chồng khó nuôi
- Thuật giữ con khi mang thai

- Ngược lại với những người khó khăn, có cả phương thuật dành cho người mau mắn. Phụ nữ đẻ dày muốn cách lâu năm thì trong tháng sinh đó, cạo lấy bậc thang trong nhà cho vào nước uống, muốn cách bao nhiêu năm mới đẻ tiếp đưa sau thì cạo bấy nhiêu bậc. Xưa các biện pháp kế hoạch hóa gia đình còn hạn chế, khi có thai mà không muốn giữ, người ta còn áp dụng cách nhay nhiều vòng quanh lỗ huyết người chết

* Phương thuật trong quá trình trở dạ và ở cữ:

+ Trong đám cưới, cô dâu Nùng khi bắt đầu ra khỏi nhà có mẹo làm động tác cởi bỏ đôi giày với mong muốn sau này dễ sinh con, làm ăn thuận lợi (vì chiếc giày tượng trưng cho sự bó buộc)

+ Phụ nữ Tày, Nùng, Dao, Kinh sắp đến ngày sinh phải lấy trộm dải váy người đàn bà để để ở hàng xóm, về buộc vào váy mình, mong lấy vía sinh nở dễ dàng. Trường hợp “chửa trâu” (mãi không có dấu hiệu chuyển dạ), người Nùng Phàn Slinh ở Đồng Hỷ làm phép: cho con dâu về ăn trực ông bà ngoại một bữa cơm.

+ Trong lúc sinh nở, người Mông có kinh nghiệm, nếu sản phụ đau lâu quá mà em bé chưa ra thì nguyên nhân bởi người mẹ này ăn ở chưa tốt, từng nói xấu nhà chồng. Bởi vậy, đích thân sản phụ phải bê một thau nước, mời những người phụ nữ lớn tuổi bên chồng đến, rửa tay cho họ và chờ họ có lời bỏ qua thì sự sinh đẻ mới được dễ dàng. Người Cao Lan ở Phú Lương khi đẻ ở nhà phải tuyệt đối tránh hướng “tam sát” làm cho sản phụ khổ hoặc em bé khó nuôi. Trong trường hợp không chọn được hướng tốt, treo chiếc váy trước mặt sản phụ và cài một con dao vào đó, lưỡi dao hướng về phía cửa ra vào để trừ tà khí, bảo vệ cho cả mẹ và con. Ngày nay, cơ sở y tế mở rộng đến các vùng khó khăn, việc đẻ sản phụ tự sinh nở nhà nhà chứa nhiều rủi ro nên không còn nhiều gia đình ứng dụng. Mặc dù vậy, tín ngưỡng dân gian đã ăn sâu vào tâm thức cộng đồng nên nó vẫn được duy trì theo hướng thích nghi với hoàn cảnh mới. Một số phương thuật gắn với yếu tố “hiện đại” như: Người Mông sau khi sinh con ở bệnh viện phải lạng lẽ về, không khoe với nhiều người. Trước khi về họ làm phép vào chiếc váy của mẹ và ủ em bé trong đó để trẻ sơ sinh được hôn vía người mẹ bao bọc như lúc còn nằm trong bụng. Người Tày đúc kết kinh nghiệm, để trẻ hay ăn mau lớn, khi từ viện về cầm theo một gói kẹo, lúc ra khỏi phòng giả vờ đánh rơi mấy cái và ra đến đường to thì đánh rơi hết, ai nhặt được có gọi cũng không quay đầu (điều này có phần trái ngược với quan niệm của người Kinh, rằng khi từ viện về phải tuyệt đối tránh để quên bất cứ thứ gì, đặc biệt là đồ dùng cá nhân của trẻ nhỏ)

+ Để tránh sót rau

+ Chôn nhau thai

+ Thuật treo cành dâu báo hiệu trong nhà có người đẻ (hoặc gia súc đẻ, đang làm lễ, nấu rượu...) phổ biến ở hầu hết các tộc người.

** Phương thuật trong quá trình nuôi con*

+ Trẻ mới sinh không khóc

+ Trẻ gầy còm

+ Trẻ khóc dạ đề

+ Thuật chữa tắc sữa, ít sữa, mất sữa:

+ Thuật cai sữa

+ Thuật chữa méo đầu, chậm đi, đi vệ sinh buổi tối, chậm nói

+ Thuật chữa tưa lưỡi

+ Thuật chữa nôn trớ

** Phương thuật chữa bệnh và xử lý tình huống tai nạn khẩn cấp*

Nhìn chung, trẻ sơ sinh, nhũ nhi và sản phụ là đối tượng hay phải áp dụng phương thuật với vô vàn vấn đề phát sinh trong quá trình ở cữ. Với những người trưởng thành, phương thuật chăm sóc sức khỏe ít phổ biến hơn song vẫn ghi nhận một số trường hợp:

+ Thuật các tật trong khi ngủ

+ Thuật chữa bị nấc cụt

+Chữa mụn nhọt ở mông

+ Chữa tai nạn bất ngờ

2.1.3. Phương thuật trong việc điều chỉnh tình cảm, quan hệ xã hội và đời sống tâm linh

Phương thuật dân gian không chỉ có ý nghĩa trên phương diện thiên về vật chất, góp phần giải quyết những tình huống cụ thể của hoạt động sản xuất và bảo vệ sức khỏe mà nó còn thể hiện vai trò trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo hướng tốt đẹp hơn. Không khó để chỉ ra những phương thuật góp phần xoa dịu mâu thuẫn, bất hòa, làm nền tảng cho những mối quan hệ nhạy cảm trong gia đình, xã hội, ví dụ như:

- Khi làng bản, gia đình có mâu thuẫn, cãi vã

- Hệ thống các nghi lễ đời người chứa đựng nhiều hành động mang tính phương thuật với ý nghĩa xây đắp cho các mối quan hệ

- *Phương thuật điều kiện tình cảm con người và phương thuật xua rui cầu may cũng rất phổ biến. Ví dụ: Ngày 30 Tết, người Tày lấy cái lưỡi cày, cho đầu to vào bếp, đầu nhọn ra ngoài để tránh tà ma, gánh nước đầu năm để cầu phúc lộc. Họ quan niệm về những điềm báo gở, những giấc mộng không lành, những hành vi xúi quẩy nên tạo ra nhiều phương thuật có ý nghĩa giải trừ*

+ Coi con gà mái gáy hay gà trống gáy nửa đêm là điềm xui: họ ngay lập tức giết thịt, lấy máu vẩy quanh nhà và đem đầu con vật cắm lên một chiếc que, để ở ngã ba ngac bảy;

+ Chọn đất xây nhà xong nhưng mộng thấy điềm dữ phai làm phương thuật giải trừ;

+ Hành vi vi phạm sự kiêng kỵ như vào nhà người mới sinh được hóa giải bằng phương thuật: người khách lấy tà áo nhúng xuống nước rồi vắt vào miệng em bé, nhận em bé làm con nuôi, đổi tên em bé theo họ của khách...

Diễn hình cho hình thức phương thuật điều khiển tình cảm và cầu may là các *dạng bùa chú, nèm chài, thư phù, trừ yểm, vu thuật, cổ trùng...* Đây là những dạng thức phương thuật đặc biệt nhất, mang tính chất “ma thuật giáo” và sức mạnh bí ẩn nhất. Chính bởi sự đa dạng, phức tạp và có phần nhạy cảm của nó, trong đề tài này, chúng tôi không đi sâu khai thác mà chỉ khái quát những nét cơ bản. Bùa chú, tương tự như bói toán, phong thủy, chiêm tinh, là một loại hình sinh hoạt mang tính chất ma thuật, mà phạm vi tác động của nó chỉ dừng lại ở mức độ cá nhân chứ không phải cộng đồng, vẫn tồn tại đến ngày nay ở nhiều tộc người. Có nhiều quan niệm khác nhau, nhưng có thể đưa ra một ý kiến rằng: *bùa chú là những vật thể có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo, kết hợp với chú ngữ, thông qua nghi lễ để vật ấy tiếp nhận sức mạnh từ thế lực siêu nhiên, giúp đối tượng sử dụng đạt được mục đích đặt ra từ trước.* Chú ngữ có thể là một đoạn kinh, bài khấn hay tập hợp các câu chữ được sắp xếp một cách có vần điệu, là yếu tố giúp khu biệt “bùa chú” và “phù chú” – một hình thức ma thuật thường được thể hiện dưới dạng những chữ viết phức tạp kết hợp với ấn triện, có chức năng cơ bản là trấn giữ, trừ hung.

2.2. Đặc trưng của phương thuật dân gian dưới góc nhìn văn hóa

2.2.1. Tính thiêng – cơ sở hình thành phương thuật trong tư duy

- Yếu tố thiêng hình thành theo tư duy liên tưởng và mô phỏng.
- Yếu tố thiêng hình thành trên cơ sở tiếp xúc, lây lan và giao tiếp giả định.
- Yếu tố thiêng hình thành trên cơ sở “vật dẫn”, động tác bí hiểm và không gian, thời gian đặc biệt.

2.2.2. Yếu tố đời thường – cơ sở duy trì phương thuật trong thực hành tín ngưỡng

2.3. Tình hình sử dụng phương thuật dân gian ở các tộc người thiểu số Thái Nguyên

Cùng với việc khai thác tư liệu, sưu tầm các phương thuật từ trí nhớ, kinh nghiệm của người địa phương, đề tài tiến hành khảo sát về tình hình lưu giữ, sử dụng, truyền bá phương thuật dân gian trong cộng đồng. 3 vấn đề chúng tôi đặt ra là: Mức độ hiểu biết, mức độ tin tưởng và mức độ sử dụng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Bằng phương pháp điều tra bảng hỏi, phỏng vấn sâu người dân, phỏng vấn chuyên gia và khai thác các tư liệu liên quan, đề tài đã thu thập được nhiều phương thuật dân gian thuộc các lĩnh vực khác nhau trong đời sống các dân tộc thiểu số, đồng thời tìm hiểu hiện trạng hiểu biết, sử dụng các phương thuật ấy của đồng bào. Chúng tôi rút ra một số nhận xét sau:

- Trong các dạng thức phương thuật dân gian (phân loại theo phạm vi, mục đích sử dụng), các phương thuật gắn với sức khỏe con người là phổ biến nhất. Đa phần nó giải quyết những tình huống bất ngờ nảy sinh trong cuộc sống, gắn với một số đối tượng được cho là yếu đuối, nhạy cảm như trẻ sơ sinh, thai phụ.

- Mặc dù các phương thuật dân gian vẫn được nuôi dưỡng trong các cộng đồng song trong bối cảnh xã hội của khoa học và thông tin thực chứng, niềm tin của người dân dành cho phương thuật đã vơi dần. Đồng bào dùng nó như một biện pháp tâm lý. Chúng tôi chỉ lưu ý rằng, có một quan niệm luôn tồn tại trong tâm thức người dân, đó là “lành hóa” tất cả những gì thuộc về dân gian. Tuy nhiên, rất nhiều phương thuật theo mô típ “lấy bùa” “Hươu tay ra sau chạm vào cây gì thì nhai cây ấy” hay việc dùng dao kéo, đồ uế bẩn làm vật thiêng có thể gây ảnh hưởng lớn đến cuộc sống con người. Khi ấy, ma thuật, phương thuật sẽ trở thành đầu mối của những tai ương.

CHƯƠNG 3:

ỨNG DỤNG CỦA PHƯƠNG THUẬT DÂN GIAN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU VÀ ĐỜI SỐNG

Phương thuật dân gian là tấm gương phản chiếu diện mạo văn hóa cộng đồng. Ở đó, ta bắt gặp một thế giới quan sinh động, nơi con người đi từ tư duy hồn nhiên đến những liên tưởng logic, sáng tạo. Hệ thống phương thuật cũng bộc lộ tâm lý, tính cách, lối ứng xử trong các mối quan hệ xã hội. Một số phương thuật trở thành phong tục tập quán giàu ý nghĩa. Từ góc nhìn của một số lĩnh vực chuyên biệt (nghiên cứu lý luận, quản lý xã hội, y học, truyền thông, du lịch...), chúng tôi nhận thấy việc khai thác, nghiên cứu phương thuật dân gian là cần thiết bởi chúng thực sự là nguồn tài nguyên quý giá khi ứng dụng vào đời sống hiện nay.

3.1. Phương thuật dân gian trong nghiên cứu văn hóa và tri thức bản địa

a. Thứ nhất, qua hệ thống các phương thuật mà đề tài thu thập được, có thể hình dung về không gian văn hóa và diện mạo vùng đồi núi.

b. Thứ hai, phương thuật dân gian phản ánh lối tư duy kinh nghiệm, cảm tính và vũ trụ quan truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số.

c. Phương thuật dân gian phản ánh quan niệm về giới.

d. Phương thuật dân gian thể hiện nét đẹp trong văn hóa ứng xử cộng đồng.

3.2. Phương thuật dân gian trong quản lý xã hội, quản lý văn hóa và truyền thông

Trong công tác quản lý xã hội ngày nay, việc dựa vào tri thức bản địa có ý nghĩa quan trọng. Đó là lí do mà người làm chính sách và thi hành chính sách ở khu vực miền núi vùng dân tộc thiểu số luôn phải hiểu về tập quán pháp, song song với luật pháp chính thống.

Mặc dù phương thuật ra đời trên cơ sở niềm tin về cái thiêng đầy mơ hồ, võ đoán, hầu hết không thể lý giải, hạn chế về khả năng kiểm chứng, song chúng vẫn có những tác động tích cực đến đời sống cá nhân và cộng đồng. Phương thuật cầu mưa thuận gió hòa, thuật bảo vệ nguồn nước, ngăn sâu bọ, kiêng ngày, bảo vệ rừng, các loài thú... đằng sau lớp vỏ tâm linh là phương thức ứng xử tôn trọng tự nhiên, tạo sự cân bằng giữa con người với vũ trụ. Phương thuật gắn với sức khỏe có thể xuất phát từ những cơ sở khoa học nhất định như y học dân tộc, điện chần, tâm lý... nên nó phát huy hiệu quả trong nhiều trường hợp. Phương thuật tạo dựng mối quan hệ (thuật giữ tình cảm vợ chồng, mẹ chồng con dâu, thuật giải quyết xung khắc, cãi vã trong làng bản, giải bỏ lời nguyền...) thường vô hại và thể hiện rõ ý thức mong muốn sự hài hòa, đoàn kết trong gia đình, xã hội. Một số thuật mang ý nghĩa nhân văn thể hiện ý thức tương trợ cộng đồng như khó nuôi con thì xin gửi vào gia đình khác; mượn con xin nhận con người khác làm con nuôi. Với những người bệnh nan y, khi khoa học đầu hàng, ở một phương diện nhất định, phương thuật có ý nghĩa tâm lý, giúp người bệnh được sống trong niềm hy vọng, dù rất mong manh.

Nghiên cứu phương thuật dân gian không thể không nhìn vào mặt trái của nó với những phương cách mê tín, nguy hiểm, huyền hoặc, đặc biệt, khi áp dụng trong việc chữa bệnh cho con người.

Có thể khẳng định, phương thuật được coi là di sản dân gian, nơi kết tinh của những giá trị văn hóa cộng đồng. Nhiều phương thuật mang giá trị tổng hợp của văn học (huyền thoại, lời chú), nghệ thuật (tranh thờ, hình vẽ, động tác diễn xướng dân gian...). Nó cần được bảo tồn hay tái hiện trong một số hoàn cảnh, gắn với công tác quản lý văn hóa. Cơ quan truyền thông có nhiệm vụ tuyên truyền đúng đắn về các phương thuật dân gian không còn phù hợp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng.

Trong thời đại hội nhập và phát triển, bên cạnh tiếp thu khoa học kỹ thuật, giao lưu văn hóa, thay đổi tư duy, tập quán cho thích hợp đối với bối cảnh xã hội mới thì việc bảo tồn tri thức dân gian có một ý nghĩa quan trọng. Không thể phủ nhận rằng, mặc dù chứa đựng những yếu tố bí ẩn, mang tính thiêng, phần nào bao hàm sự mê tín, ngây thơ của thời kì lạc hậu, xong phương thuật dân gian vẫn là một nguồn tri thức bản địa đặc sắc. Khai thác, bảo tồn, định giá và ứng dụng phương thuật dân gian một cách khoa học là việc làm nhiều ý nghĩa, góp phần nâng cao đời sống cho dân tộc thiểu số, tiếp thu những kinh nghiệm quý cho cộng đồng xã hội. Để làm được điều đó, yếu tố cốt lõi là việc lý giải con đường hình thành phương thuật (cơ sở khoa học – tư duy liên tưởng - triết tự ngôn ngữ - võ đoán). Công đoạn này cần có sự nghiên cứu liên ngành: văn hóa – y dược – văn hóa - tâm lí...

3.3. Phương thuật dân gian trong phát triển du lịch

Văn hóa bản địa nói chung, tín ngưỡng, phong tục tập quán nói riêng luôn được coi là một nguồn tài nguyên của du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa – cộng đồng, gắn với phát triển bền vững. Nghiên cứu về phương thuật dân gian, chúng tôi nhận thấy, hệ thống tri thức, kinh nghiệm bản địa này hoàn toàn có thể khai thác trong lĩnh vực du lịch ở nhiều khía cạnh: vừa là phương tiện trong hoạt động lễ hành, vừa là “via quặng” để triển khai những sản phẩm du lịch đặc thù, gắn với những khu vực đa dạng văn hóa.

3.3.1. Tư liệu trong hoạt động thuyết minh, lễ hành

3.3.1.1. Cơ sở điều chỉnh cách thức ứng xử

3.3.1.2. Tư liệu hướng dẫn trên cung đường

3.3.1.3. Tư liệu thuyết minh tại điểm đến

3.3.2. Tư liệu trưng bày, tái hiện, tổ chức hoạt động trải nghiệm

Đề án xây dựng điểm du lịch nói chung, điểm du lịch văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số nói riêng luôn cần đến sự góp ý, tham mưu của cộng đồng và nhà khoa học về việc khai thác tài nguyên văn hóa bản địa trong thiết kế không gian, kiến trúc, xây dựng sản phẩm du lịch, dịch vụ bổ sung theo hướng vừa đáp ứng nhu cầu, thị hiếu du khách, vừa tôn

trọng và phát huy các giá trị văn hóa cộng đồng. Phương thuật dân gian hoàn toàn có thể được xem là một nguồn tài nguyên nhân văn khai thác dưới nhiều góc độ:

- + Hoàn thiện hệ thống kiến trúc nhà ở truyền thống với dấu ấn tín ngưỡng dân gian;
- + Xây dựng nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí, check-in có sử dụng “chất liệu” văn hóa dân gian gắn với phương thuật như lá bùa, sợi dây vía, chiếc đũa, các công cụ lao động đính giấy đỏ, bùa vía, taleo, khâu cúc, móng hổ, túm lông động vật...
- + Xây dựng dịch vụ dưỡng sinh, chăm sóc sức khỏe có sự kết hợp của y thuật dân tộc và mẹo chữa bệnh dân gian,
- + Thiết kế đồ lưu niệm đặc trưng gắn với phương thuật như biểu tượng sợi chỉ, bó lúa, vật trưng bày, đồ trang sức phong thủy...
- + Tổ chức các hoạt động trải nghiệm độc đáo: Khách tham quan không chỉ được quan sát, giới thiệu những dấu tích, hiện vật gắn với phương thuật dân gian mà còn được trải nghiệm không gian văn hóa tín ngưỡng thực tiễn với những phương thuật được nghiên cứu, thẩm định là vô hại, ví dụ:

+ Trải nghiệm khâu đũa, làm vòng vía, vòng dâu, túi bùa, quả còn, mũ trẻ em: Đây vừa là những đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày, mang tính thủ công, không quá khó để thực hiện, mang bản sắc văn hóa vùng cao. Mặt khác, chúng đều có vai trò tín ngưỡng. Ví dụ, theo phong tục người Tày, Nùng, trong ngày đầy tháng, ông bà ngoại tặng em bé một chiếc đũa trắng, sau đó bà ngoại bế cháu ra ngoài mỏm nước đầu làng, mang theo nắm cơm chia cho trẻ em, chim chóc và đặt nhẹ một hạt vào môi cháu, cầu mong em bé mau lớn, hay ăn, khỏe mạnh. Chiếc mũ trẻ em có khâu giấu hạt giống, đồng xu tránh tà ma... Vào những ngày đặc biệt (đối với người Tày, Nùng thì là ngày 5/5), khách có thể thỉnh xin thầy cúng những lá bùa bảo vệ sức khỏe và trải nghiệm hoạt động khâu túi bùa theo sự hướng dẫn của người có kinh nghiệm. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, có những phương thuật ở một thời điểm nhất định là rất tốt song sẽ gây phương hại trong tình huống khác.

+ Trải nghiệm trò chơi dân gian mang tính ma thuật: ở hầu hết các cộng đồng, vẫn lưu truyền những trò chơi dân gian mang tính ma thuật kỳ bí như trò đồng ếch, đồng chổi, đưa ma, bói chén (người Kinh), đẩy gậy, nhảy lửa (Pà Thèn, Dao)... Những trò chơi này có thể lồng ghép vào các hoạt động vui chơi ban đêm, trong không gian tạo cảm giác linh thiêng, bí ẩn (như cắm trại trong rừng, nhà sàn), đem đến cho du khách những trải nghiệm ấn tượng.

3.3.3. Xây dựng tour du lịch chuyên biệt

3.3.4. Xây dựng bảo tàng ma thuật

TIÊU KẾT CHƯƠNG 3

Qua những nghiên cứu bước đầu, chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của các phương thuật dân gian đối với đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Xuất hiện và gắn bó với đồng bào dân tộc từ rất lâu đời, các phương thuật đã đem lại rất nhiều tác dụng trong đời sống cộng đồng với những hiệu quả thực thụ và cả hiệu quả tâm lý. Không thể phủ nhận rằng, đây là nguồn tri thức bản địa quý báu. Nhưng cũng như nhiều tài nguyên khác, nguồn tri thức này đang dần bị mai một bởi thời gian và sự phát triển xã hội. Vì thế, việc nghiêm túc nghiên cứu để bảo lưu nguồn tri thức quý, hạn chế những thói quen lạc hậu dưới vỏ bọc phương thuật dân gian có ý nghĩa cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Tính ứng dụng của nghiên cứu này thể hiện ở chỗ, nhóm tác giả đã đưa ra định hướng nghiên cứu, khai thác phương thuật dân gian trong các lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, tri thức bản địa, quản lý xã hội – truyền thông và đặc biệt là phát triển du lịch văn hóa cộng đồng. Nếu thu thập được nguồn tư liệu và hiện vật phong phú, phương thuật dân gian hoàn toàn có thể trở thành nguồn tài nguyên cho việc xây dựng những sản phẩm du lịch văn hóa cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch trải nghiệm đặc sắc, đem lại hiệu quả kinh tế địa phương trong sự phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

1. Phương thuật (ma thuật) dân gian là một dạng thức tri thức bản địa hình thành trong quá trình sinh tồn và phát triển của con người nhằm thích nghi, ứng phó với môi trường tự nhiên, xã hội. Đó là cách mà con người tác động đến bản thân và thế giới nhằm điều chỉnh cuộc sống theo ý muốn của mình thông qua một ngôn ngữ, hành vi hay công cụ mang tính “thiên” nhờ yếu tố “phép”.

3. Phương thuật dân gian phổ biến ở Việt Nam, đối với cả người Việt và các dân tộc thiểu số. Không thể phủ nhận được vai trò của phương thuật dân gian đối với đời sống các dân tộc ngay cả khi nó có là biểu hiện cho tư duy hồn nhiên của thời kì lạc hậu. Phương thuật dân gian là kinh nghiệm lao động sản xuất, hành xử của con người được đúc kết qua nhiều thế hệ, không ít phương thuật thực sự tỏ ra hiệu quả, ít nhất là trên bình diện tâm lý.

3. Đề tài đã sưu tầm, thống kê, phân loại, bước đầu lý giải và đánh giá những phương thuật dân gian đã và đang được lưu truyền, áp dụng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn Thái Nguyên.

4. Trên cơ sở nguồn dữ liệu thu được, đề tài phân tích những đặc trưng cơ bản của phương thuật dân gian nói chung, phương thuật dân gian các dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên nói riêng. Nhóm tác giả cũng bước đầu đưa ra những đề xuất để khai thác, ứng dụng, khắc phục hạn chế và phát triển bền vững phương thuật dân gian trong bối cảnh ngày nay.

5. Nghiên cứu về phương thuật dân gian trong bối cảnh giao lưu văn hóa và phát triển kinh tế - kỹ thuật một cách mạnh mẽ ngày nay là một việc làm có giá trị khoa học và thực tiễn. Kết quả của nghiên cứu có thể góp phần vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng dân tộc thiểu số.